

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/DS-PT

Ngày: 01 - 6 - 2022

*V/v tranh chấp về thừa kế tài sản;
chia tài sản chung.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Ph tòa: ông Nguyễn Tử Lượng

Các Thẩm phán: ông Tạ Văn Vinh và bà Trần Thị Sâm

- Thư ký Ph tòa: bà Lê Thị Thùy Chinh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình: bà Đinh Thị Nga - Kiểm sát viên tham gia Ph tòa.

Trong ngày 21 tháng 4 và ngày 01 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2021/TLPT-DS ngày 21 tháng 12 năm 2021 về Tranh chấp về thừa kế tài sản; chia tài sản chung.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2021/DS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2022/QĐ-PT ngày 21 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Hoàng Văn Y sinh năm 1945; nơi cư trú cuối cùng: xóm A, xã C, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình (đã chết ngày 13/5/2021).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Y:

+ Anh Hoàng Cao M sinh năm 1979; địa chỉ: xóm A, xã C, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.

+ Bà Nguyễn Thị T sinh năm 1949; địa chỉ: xóm A, xã C, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.

+ Chị Hoàng Thị T1 sinh năm 1973; địa chỉ: xóm 9, xã C, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.

+ Chị Hoàng Thị Ch sinh năm 1976; địa chỉ: 859/13, tỉnh lộ B, khu phố N, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Chị Hoàng Thị B sinh năm 1984; địa chỉ: xóm 2, xã Như Hòa, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện hợp pháp của chị B, chị Ch, chị T1, bà T: anh Hoàng Cao M sinh năm 1979; địa chỉ: xóm A, xã C, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình là

người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 14/5/2021 và ngày 10/3/2022).

2. Bị đơn: ông Hoàng Văn T2 sinh năm 1962; địa chỉ: 137/29 đường T01, tổ 77B, khu phố 7, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của ông T2: anh Mai Văn D sinh năm 1989; địa chỉ: 133N, phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 28/01/2021).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Hoàng Văn Ph (tên gọi khác Hoàng Văn Phiêu) sinh năm 1950; địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

- Ông Hoàng Văn Nh sinh năm 1955; địa chỉ: 467/31/3 đường L, tổ 65 KP9, phường M, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của ông Nh: bà Nguyễn Thị T3 sinh năm 1958; địa chỉ: 467/31/3 đường L, tổ 65 KP9, phường M, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 04/5/2022).

- Bà Trần Thị H sinh năm 1964; địa chỉ: 137/29 đường T01, tổ 77B, khu phố 7, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà H: anh Mai Văn D sinh năm 1989; địa chỉ: 133N, phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 09/4/2021).

- Bà Hoàng Thị Th sinh năm 1958; địa chỉ: xóm 6, xã K, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.

- Ủy ban nhân dân huyện K; địa chỉ: xóm C, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện hợp pháp: ông Trần Anh Kh – Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 11/01/2021).

- Ủy ban nhân dân xã Y; địa chỉ: xóm T, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện hợp pháp: ông Phạm Văn Ph – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Y là người đại diện theo pháp luật.

4. Người kháng cáo: anh Mai Văn D là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Hoàng Văn T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/10/2020 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn là ông Hoàng Văn Y; người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Y trình bày:

Bố mẹ ông Y là cụ Hoàng Văn Nhữ và cụ Đinh Thị Tơ (cụ Tơ còn có tên gọi khác Theo tập tục địa phương là Hoàng Thị Nhữ) sinh được 5 người con là

ông Hoàng Văn Y, ông Hoàng Văn Ph, ông Hoàng Văn Nh, bà Hoàng Thị Th và ông Hoàng Văn T2; hai cụ không ai có con riêng.

Trong quá trình chung sống, các cụ tạo lập được khối tài sản chung là quyền sử dụng 448m² đất, gồm 221m² đất ở và 227m² đất vườn tại xóm 7, xã Y, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình, đã được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Kim Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) ngày 16/01/1998 đứng tên “bà Hoàng Thị Nhở”.

Quá trình sử dụng đất, năm 2001 cụ Tơ chuyển nhượng cho ông Phạm Văn Cao 35m² đất vườn; năm 2002 chuyển nhượng cho ông Hoàng Văn Nh 55m² đất ở; năm 2005 chuyển nhượng cho ông Hoàng Văn T2 91,6m² đất ở. Những người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên đều đã được cấp GCNQSDĐ và đã điều chỉnh trong GCNQSDĐ đứng tên cụ Nhở. Diện tích đất sau khi chuyển nhượng còn lại 266,4m²; trong đó đất ở 74,4m² và đất vườn 192m² tại thửa đất số 131, tờ bản đồ địa chính số 4b xã Y. Đến năm 2009, Sở Tài nguyên và Môi trường Ninh Bình tiến hành đo đạc lập bản đồ địa chính, bản thân ông Y xác định mốc giới, diện tích đất còn lại của thửa đất số 131 được tách thành hai thửa riêng biệt là thửa đất số 227 diện tích 346,9m² (đất ở 52m², đất trồng cây lâu năm 294,9m²) và thửa đất số 224 diện tích 22,4m² đất ở, đều thuộc tờ bản đồ số 13; tổng diện tích của hai thửa đất còn 369,3m².

Cụ Hoàng Văn Nhở chết năm 1981; cụ Đình Thị Tơ chết năm 2005 (23/4/2005); cả hai cụ đều không để lại di chúc. Anh em ông Y đã nhiều lần họp để thống nhất phương án phân chia di sản của bố mẹ để lại nhưng không có kết quả, hiện nay diện tích đất là di sản bỏ không, không ai sử dụng.

Ông Y khởi kiện, yêu cầu Tòa án chia thừa kế quyền sử dụng thửa đất số 131, tờ bản đồ số 4b, tại xóm 7, xã Y cho ông Y, ông Ph và bà Th Theo quy định của pháp luật; không yêu cầu xem xét giải quyết đối với diện tích đất của cụ Tơ đã chuyển quyền cho ông Cao, ông Nh và ông T2.

Sau khi Toà án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, diện tích đất tranh chấp thực tế có tổng diện tích 352,8m², trong đó thửa đất số 227 có diện tích 328,4m² (đất ở 52m², đất vườn 276,4m²), thửa đất số 224 có diện tích 24,4m² đất ở. Vì vậy, ông Y yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của bố mẹ ông để lại là 352,8m² đất (theo số liệu thực tế) cho 5 người con của các cụ theo quy định của pháp luật.

Tại Ph tòa ngày 30/3/2021 và tại văn bản ngày 05/4/2021, ông Y xác định: cụ Nhở chết năm 1981, không để lại di chúc nay đã hết thời hiệu khởi kiện chia di sản nhưng do di sản của cụ Nhở chưa phân chia, hiện nay do ông Y và bà Th trông coi, quản lý. Ông Y xác định phần di sản của cụ Nhở là tài sản chung của 5 anh em, nên đề nghị Tòa án phân chia cho 5 anh em mỗi người một phần bằng nhau. Cụ Tơ chết năm 2005 không có di chúc, đến nay thời hiệu chia di sản vẫn còn, đề nghị Tòa án chia di sản của cụ Tơ cho 5 anh em theo pháp luật, mỗi người một phần bằng nhau.

Ông Y phản đối ý kiến của ông Hoàng Văn T2 cho rằng, anh em ông đã hợp bàn chia toàn bộ di sản của bố mẹ cho ông T2, vì sau khi cụ Tơ chết anh chị em các ông chưa bao giờ có mặt đông đủ để hợp bàn phân định di sản.

Di sản và tài sản thuộc sở hữu chung là quyền sử dụng đất có hạn chế không thể phân chia bằng hiện vật cho cả 5 người; do diện tích thửa đất số 227 bị bao bọc bởi các bất động sản liền kề, không có lối ra đường công cộng, muốn sử dụng chỉ có thể đi qua đất của ông Hoàng Văn Nh. Chỉ có diện tích đất ở 24,4m² trên đất có ngôi nhà cấp 4 tại thửa đất số 224 là bám mặt đường giao thông (có 02 mặt giáp với đất của ông Nh). Tuy nhiên, diện tích thửa đất số 224 không đủ điều kiện tách thửa Theo quy định (*Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 28/8/2014 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc ban hành quy định về diện tích đất ở giao cho mỗi hộ gia đình, cá nhân đối với đất ở tại các xã diện tích không nhỏ hơn 45m² và có bề rộng mặt tiền, chiều sâu so với chỉ giới xây dựng không nhỏ hơn 4m*). Vì vậy, để bảo đảm giá trị và công năng sử dụng, ông Y đã trao đổi với ông Ph, ông Nh, bà Th giao cho một người được nhận toàn bộ di sản bằng hiện vật; người được nhận di sản có trách nhiệm thanh toán giá trị phần di sản được chia cho 4 người còn lại bằng tiền mặt.

Trong số 5 anh em, có vợ chồng ông Nh hiện tại đang sử dụng thửa đất số 223 tiếp giáp với cả hai thửa đất tranh chấp; vì thế giao cho ông Nh nhận toàn bộ di sản là phù hợp. Ông Nh đã có văn bản đề nghị Tòa án xem xét giao cho ông Nh toàn bộ di sản là quyền sử dụng đất; ông Nh sẽ có trách nhiệm thanh toán giá trị phần tài sản được chia cho 4 người còn lại bằng tiền mặt. Ông Y, ông Ph và bà Th cũng đồng thuận quan điểm này, trừ ông T2 không đồng ý nên đề nghị HĐXX chấp thuận hướng giải quyết nêu trên.

Tại Ph tòa sơ thẩm, anh Hoàng Cao M người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Y, đồng thời là người đại diện của bà T, chị T1, chị Ch, chị B giữ nguyên yêu cầu của nguyên đơn (ông Y), đề nghị HĐXX chia di sản thừa kế và tài sản chung Theo cách thức chia như ông Y, ông Ph, bà Th và ông Nh đã thỏa thuận.

Trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn là ông Hoàng Văn T2 và người đại diện theo ủy quyền của ông T2 trình bày:

Bố mẹ ông T2 là cụ Hoàng Văn Nhữ và cụ Đinh Thị Tơ có 5 người con như nguyên đơn trình bày. Cụ Nhữ chết năm 1981, cụ Tơ chết năm 2005. Khi còn sống, hai cụ có tạo lập được 01 mảnh đất tại xóm 7, xã Y, tổng diện tích đất là bao nhiêu thì ông không nắm được. Ông T2 sống cùng cụ Nhữ và cụ Tơ đến khi các cụ chết. Đến năm 2006, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên gia đình ông T2 chuyển vào Thành phố Hồ Chí Minh làm ăn. Cụ Tơ có di nguyện đã được ông Y, ông Ph ghi lại ngày 06/6/1995, Theo đó diện tích đất thổ và đất vườn sẽ giao cho vợ chồng ông sau khi cụ Tơ chết. Trong đó, phần đất ở giáp mặt đường có diện tích 24,5m², trên đất có 01 nhà xây tường lợp ngói (nhà cụ Tơ ở có diện tích 24,5m²) để ở và chăm sóc cụ Tơ, thờ cúng tổ tiên; phần đất vườn có chiều ngang 7,3m và sâu 10,7m để làm chuồng nuôi lợn, chăn nuôi gà và đất để trồng

trọt. Ông T2 đã xây tường bao, chuồng lợn, chuồng gà, 01 nhà vệ sinh trên 01 phần đất cụ Tơ cho năm 1995. Đến ngày 08/4/2009 ông Y, ông Ph, bà Th hợp và thống nhất chia cho ông T2 một phần đất vườn có diện tích ngang 7,3m sâu 10,7m (cho lại lần thứ 2).

Do ngôi nhà của cụ Tơ cho ông T2 đã cũ, dột nát, nên năm 2019 ông T2 bàn với ông Y sửa lại để đưa bát hương tổ tiên, ông bà, bố mẹ về thờ cúng. Cuối năm 2019 ông T2 xây thêm 01 nhà vệ sinh mới để sử dụng, vì ông đã bán nhà + nhà vệ sinh cho ông Quang (tài sản của ông T2 xây trên 91,6m² đất của cụ Tơ chuyển quyền cho năm 2005).

Hiện nay, ông T2 vẫn đang quản lý phần đất 24,5m² (có nhà cấp 4 trên đất), đất vườn có chiều ngang 7,3m, sâu 10,7m và các tài sản xây trên đất. Do ông T2 đi làm ăn ở Thành phố Hồ Chí Minh nên nhờ vợ chồng ông Quang trông coi giúp và tuần tiết thắp hương cho tổ tiên; chưa có thời gian làm thủ tục sang tên phần đất 24,5m² và đất vườn có chiều ngang 7,3m và sâu 10,7m mà cụ Tơ và các anh chia cho ông.

Ông T2 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Y về việc chia di sản thừa kế. Bởi lẽ: cụ Hoàng Văn Nhữ chết năm 1981 đến nay đã 40 năm và đã hết thời hiệu chia thừa kế. Theo quy định tại Nghị quyết số 02/HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 19/10/1990 thì “đối với những việc thừa kế đã mở trước ngày 10/9/1990 thì thời hiệu khởi kiện được T1 từ ngày 10/9/1990; do đó sau ngày 10/9/2020 đương sự không có quyền khởi kiện để yêu cầu chia di sản”; Theo Án lệ số 26/2018/AL thì “người để lại di sản thừa kế là bất động sản chết trước ngày công bố Pháp lệnh thừa kế ngày 30/8/1990. Tại thời điểm Tòa án xét xử sơ thẩm, Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 đang có hiệu lực pháp luật. Trường hợp này phải xác định thời điểm bắt đầu T1 thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế là ngày công bố Pháp lệnh thừa kế. Thời hiệu chia di sản thừa kế được xác định Theo quy định của Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13”. Ông Y làm đơn khởi kiện ngày 08/10/2020 và Tòa án nhân dân huyện Kim Sơn thụ lý ngày 08/10/2020 khi đã hết thời hiệu khởi kiện. Theo quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự 2015 khi hết thời hiệu khởi kiện chia thừa kế, thì di sản thuộc về người thừa kế đang quản lý di sản đó. Như vậy, phần di sản của cụ Hoàng Văn Nhữ sẽ thuộc về ông T2 là người thừa kế đang quản lý di sản. Yêu cầu Tòa án áp dụng pháp luật về thời hiệu chia thừa kế để giải quyết.

Đối với phần di sản của cụ Đình Thị Tơ: theo di chúc của cụ Tơ, do ông Y và Ph ghi lại ngày 06/6/1995 thì quyền sử dụng đất của cụ Tơ sẽ được giao cho vợ chồng ông T2 sau khi cụ Tơ chết, với điều kiện vợ chồng ông T2 phải đưa kinh tế để nuôi mẹ. Vợ chồng ông T2 đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về việc chăm sóc, cấp dưỡng cho mẹ trong suốt 10 năm liên tục từ năm 1995 với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng và 200kg thóc/năm (100kg/1 vụ).

Mặc dù nghĩa vụ nuôi dưỡng cha mẹ già là của tất cả các con nhưng ông Y, ông Ph, ông Nh và bà Th đã không thực hiện nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc cha mẹ khi về già, khi ốm đau. Kể cả những năm cuối đời, khi cụ Tơ nằm liệt

giường cũng chỉ có vợ chồng ông T2 vệ sinh, chăm sóc, thậm chí phải vay mượn tiền mua thuốc thang chạy chữa cho cụ. Vì vậy, ông cho rằng những người vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng cha mẹ thì không được quyền hưởng di sản của cha mẹ để lại.

Ngày 08/4/2009 anh em trong gia đình họp và thống nhất giao cho ông hưởng trọn quyền sử dụng đất như ý nguyện của cha mẹ, chỉ riêng ông Hoàng Văn Nh không có ý kiến. Sau đó, ông Y, ông Ph và bà Th làm văn bản khước từ quyền hưởng di sản, nhường quyền hưởng di sản cho ông. Trong biên bản họp, ông T2 có nghĩa vụ thanh toán cho bà Th 10.000.000 đồng là giá trị kỷ phần thừa kế của bà Th nhường lại. Ông T2 đã thực hiện trách nhiệm giao số tiền 10.000.000 đồng cho bà Th, việc này ông Y và bà Th đã ký xác nhận. Ông T2 không đồng ý yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Y, ông Ph, bà Th, vì những người này đã khước từ quyền hưởng di sản; Theo Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “khước từ quyền hưởng di sản là việc người thừa kế Theo di chúc hoặc theo pháp luật hoàn toàn từ bỏ quyền hưởng di sản. Việc người thừa kế nhường quyền hưởng di sản cho người thừa kế theo di chúc hoặc cho người thừa kế theo pháp luật cũng được coi là khước từ quyền hưởng di sản”.

Ông T2 đã có công quản lý và phát triển các di sản mà cha mẹ để lại tới nay. Các công trình xây dựng trên đất là do ông bỏ tiền bạc và công sức để tạo dựng với tổng trị giá là 70.465.400 đồng. Vì vậy, toàn bộ số tài sản đó là của vợ chồng ông.

Riêng đối với ông Hoàng Văn Nh, trước đây không có ý kiến về việc giao di sản của cha mẹ cho ông. Nếu ông Nh có yêu cầu chia thừa kế phần di sản của cụ Tơ để lại thì trong tổng giá trị tài sản là phần đất Theo giá thẩm định của Công ty Thẩm định giá Thành Đô ngày 03/8/2021 là 786.959.723 đồng. Phần di sản của cụ Tơ là 393.479.862 đồng (1/2 tổng di sản) được chia làm 6 phần, trong đó 5 phần cho những người được thừa kế Theo pháp luật và 01 phần là cho công sức đóng góp để quản lý, phát triển di sản. Ông T2 đồng ý chia cho ông Nh 1/6 giá trị di sản là 65.579.976 đồng. Ông Y, ông Ph, bà Th đã làm văn bản khước từ quyền hưởng di sản và nhường quyền hưởng di sản cho ông nên những phần thừa kế đó ông sẽ được nhận. Ông T2 xin nhận toàn bộ quyền sử dụng đất nêu trên và sẽ thanh toán lại cho ông Nh số tiền tương đương với 01 phần di sản thừa kế của cụ Tơ là 65.579.976 đồng.

Về phần đất tranh chấp thừa kế bị vây bọc không có lối ra bởi các hộ liền kề: ông Hoàng Văn Công là người có đất tiếp giáp với Quốc lộ 10, có chiều dài 9,45m và tiếp giáp với thửa đất bị vây bọc có chiều dài 7,07m. Vì mối quan hệ hàng xóm, anh em thân tình nên ngày 30/3/2021 ông Công có làm bản cam kết, nếu Tòa án giao di sản là quyền sử dụng đất cho ông T2 mà không phải ai khác thì ông Công sẽ mở lối đi 2m cho ông T2 ra đường Quốc lộ 10.

Đề nghị HĐXX áp dụng pháp luật về thời hiệu chia thừa kế để giải quyết công nhận việc ông Y, ông Ph, bà Th đã làm văn bản khước từ quyền hưởng di

sản và nhượng quyền hưởng di sản cho ông T2; công nhận di chúc lập ngày 06/6/1995 của cụ Đình Thị Tơ về việc cho ông hưởng thừa kế quyền sử dụng đất; xem xét công sức đóng góp quản lý, phát triển di sản của vợ chồng ông; công nhận toàn bộ giá trị công trình tài sản gắn liền với đất do vợ chồng ông tạo dựng trị giá 70.465.400 đồng; công sức của vợ chồng ông trong việc cấp dưỡng, chăm sóc mẹ; xem xét giải quyết giao toàn bộ di sản là quyền sử dụng đất cho ông là người thừa kế đang quản lý, sử dụng; bác bỏ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trong quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Văn Nh và người đại diện theo ủy quyền của ông Nh trình bày:

Ông Nh đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn Y, về việc chia di sản của cụ Hoàng Văn Nhỡ, cụ Đình Thị Tơ để lại cho 5 người con gồm ông Y, ông Ph, ông Nh, bà Th, ông T2. Năm anh em ông là người thừa kế theo pháp luật của cụ Nhỡ và cụ Tơ, có quyền đối với di sản như nhau, nên chia đều cho mỗi người 01 phần bằng nhau. Tài sản phân chia là thửa đất số 131, tờ bản đồ số 4b nay là thửa đất số 224 và thửa đất số 227.

Về cách thức phân chia, do toàn bộ đất vườn và một phần đất thổ cư bị bao bọc bởi các bất động sản liền kề, không có lối đi ra đường công cộng. Hiện tại, muốn sử dụng thửa đất này bắt buộc phải đi qua thửa đất của vợ chồng ông Nh. Vì vậy, ông Nh đề nghị giao toàn bộ di sản (nhà, đất) của cụ Nhỡ và cụ Tơ cho ông; ông Nh sẽ có trách nhiệm thanh toán giá trị kỷ phần chia cho 4 người còn lại bằng tiền mặt. Đối với ngôi nhà cấp 4 vợ chồng ông T2 bỏ tiền ra sửa chữa lại năm 2019, ông Nh cũng xin nhận và sẽ có trách nhiệm thanh toán lại cho vợ chồng ông T2 chi phí sửa chữa Theo giá trị thẩm định.

Theo như kết quả thẩm định giá của Công ty Tràng An thì di sản của bố mẹ ông Nh để lại gồm đất ở, đất vườn có giá trị 573.000.000 đồng, nhưng anh em ông Nh không lấy giá này mà thống nhất giá trị đất và tài sản trên hai thửa đất, bao gồm cả tài sản của ông T2 có tổng giá trị là 1.500.000.000 đồng. Ông Nh sẽ thanh toán cho ông Y, ông Ph, bà Th mỗi người 291.000.000 đồng. Riêng ông T2 để việc xử lý tài sản được ổn thỏa, ông Nh sẽ thanh toán cho ông T2 400.000.000 đồng (kỷ phần thừa kế của ông T2 và tài sản của vợ chồng ông T2 xây dựng trên đất cùng các chi phí khác).

Quan điểm của ông Nh về ý kiến của bị đơn: trước đây ông Nh và ông T2 cùng ở, quản lý sử dụng một phần đất ở, đất vườn của cụ Nhỡ, cụ Tơ và hàng năm phải đóng góp 100kg thóc để cụ Tơ sinh sống (Theo giấy ngày 24/11/1993). Sau khi ông Nh chuyển vào miền Nam thì giao lại cho ông T2 hàng năm đưa thóc cho cụ Tơ thay cho ông Nh. Ông Nh vào miền Nam khoảng 2 năm thì cụ Tơ mất. Khi cụ Tơ mất thì lấy tiền của anh em ông Nh để lo ma chay cho cụ. Việc ông T2 nói nuôi cụ Tơ 15 năm là không đúng, vì cụ Tơ còn khỏe, ăn riêng, hai năm trước khi chết mới không nấu ăn được. Ông T2 nói mỗi tháng 200.000 đồng tiền phục vụ là không đúng vì tiền ở trong miền Nam của các bác gửi về cho cụ Tơ, nên ông Y và ông T2 đều muốn nuôi mẹ. Còn giấy tờ ông T2 giao

cho Tòa án, có nội dung ông Y, ông Ph đồng ý cho ông T2 đất thì ông Nh không biết. Sau khi cụ Tơ chết, ông Nh không được tham gia buổi họp gia đình nào về việc phân chia tài sản do bố mẹ mất đi để lại cho anh em ông.

Trong quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Thị Th trình bày:

Bà Th thừa nhận bố mẹ bà là cụ Hoàng Văn Nhữ và cụ Đinh Thị Tơ có 5 người con, thời gian các cụ mất cũng như di sản các cụ để lại như ông Hoàng Văn Y đã trình bày. Trong quá trình sử dụng đất cụ Tơ chuyển nhượng cho: ông Phạm Văn Cao 35m² đất vườn, ông Nh 55m² đất ở, ông Hoàng Văn T2 91,6m² đất ở. Bà Th nhất trí với yêu cầu chia thừa kế, chia tài sản chung của ông Y đối với diện tích đất của các cụ để lại 352,8m², tại thửa đất số 227 và thửa đất số 224 cho 5 người con của các cụ Theo quy định của pháp luật. Bà Th không đề nghị xem xét các lần giao dịch chuyển quyền sử dụng đất cho ông Cao, ông Nh và ông T2.

Bà Th phủ nhận việc năm 2009 bà tham gia họp và ký tên vào biên bản họp gia đình ngày 08/4/2009. Bà Th không viết đơn đề nghị UBND xã Y về việc tự nguyện để lại phần di sản của mình được hưởng cho ông T2. Việc ông T2 đưa cho bà 10.000.000 đồng để hỗ trợ bà khi bà từ chối nhận di sản là không đúng. Bà Th xác định phần tài sản mà bố mẹ bà để lại như kết quả thẩm định và đề nghị Tòa án chấp nhận phương án giải quyết của ông Y và ông Nh đưa ra.

Trong quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Văn Ph trình bày:

Do hoàn cảnh gia đình ông phải xa quê hương nhiều năm không sống cùng bố mẹ; vì vậy phần diện tích đất vườn mẹ ông đã giao cho ông T2 và ông Nh sử dụng, ăn chia như thế nào ông không rõ. Ông Y, ông Nh, bà Th, ông T2 ở gần cha mẹ nhiều nhất, bốn người này tự giải quyết ổn thỏa. Nếu có thương ông thì cho bao nhiêu thì cho, ông không đòi hỏi hay khiếu nại gì. Về việc phân chia di sản thừa kế, ông Ph ủy quyền cho ông Y tự quyết định.

Ngoài ra ông Ph còn xác nhận, từ trước đến nay ông chỉ ký cho ông T2 hai lần liên quan đến đất, nhà ở: lần thứ nhất vào năm 1995, lúc đó mẹ ông còn sống, có chữ ký của ông và mẹ ông, ông Y, ông T2, không có chữ ký của ông Nh, bà Th; lần thứ hai, ông chỉ nhớ sau năm 2005 khi mẹ ông đã chết, ông T2 có xuống nhà ông ở Bình Ba xin chữ ký của ông để làm sổ đỏ căn nhà của ông T2 ở ngoài quê (căn nhà 4m nằm giữa căn nhà của mẹ ông và nhà anh Chung). Ông Ph chưa bao giờ ký cho đất vườn đối với ông Nh và ông T2.

Ngày 08/3/2022 ông Ph có đơn xin xét xử vắng mặt và thể hiện quan điểm nhất trí với phán quyết tại bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Kim Sơn.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông Hoàng Văn Y là bà Nguyễn Thị T, chị Hoàng Thị T1, chị Hoàng Thị Ch, chị Hoàng Thị B có chung ý kiến:

Ông Hoàng Văn Y chết ngày 06/5/2021 và không để lại di chúc. Do ông Y chết khi đang tham gia tố tụng, nên ngày 14/5/2021 những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Y gồm: bà T là vợ và các con là anh M, chị T1, chị Ch, chị B đã họp và thống nhất cử anh M đại diện tham gia tố tụng trong vụ án chia thừa kế do ông Y là nguyên đơn. Gia đình nhất trí về việc yêu cầu chia di sản thừa kế và chia tài sản chung như ông Y đã khởi kiện. Đối với phần giá trị di sản và tài sản ông Y được chia, gia đình thống nhất giao cho anh M được nhận và sau này sẽ tự giải quyết với nhau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H trình bày:

Bà H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của ông Y. Bà H xác định năm 1995 cụ Tơ có di nguyện để lại nhà đất cho vợ chồng bà sau khi cụ chết, với điều kiện vợ chồng bà đưa kinh tế nuôi cụ. Việc này ông Y, Ph chứng kiến và có ghi lại bằng văn bản. Vợ chồng bà H đã thực hiện đúng di nguyện, hàng ngày vẫn chăm lo cho mẹ, khi mẹ ốm đau nằm liệt giường cũng chỉ có hai vợ chồng bà vệ sinh, chăm sóc. Năm 2005 cụ Tơ chết, vợ chồng bà tiếp quản toàn bộ nhà đất của hai cụ để lại và sử dụng cho tới nay. Trong quá trình sử dụng, vợ chồng bà H có xây dựng các công trình trên đất để kinh doanh, sinh hoạt và để chăn nuôi. Năm 2019 vợ chồng bà đã xây dựng nhà thờ và mua sắm tử thờ để có nơi nhang khói cho ông bà tổ tiên. Ngay chính ông Y cũng ủng hộ và tham gia chỉ đạo xây dựng. Toàn bộ tiền công thợ, tiền nguyên vật liệu, tử thờ, đồ dùng trong nhà thờ đều do vợ chồng bà bỏ ra chi trả.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã Y trình bày:

Theo hồ sơ địa chính lập năm 1986, chỉnh lý năm 2000 thửa đất số 131 tờ bản đồ số 4b, diện tích 448m² (221m² đất ở, 227m² đất vườn), địa chỉ tại xóm 7, xã Y đúng tên cụ Hoàng Thị Nhỡ đã được UBND huyện Kim Sơn cấp GCNQSDĐ số vào sổ 984. Năm 2001 cụ Nhỡ chuyển nhượng cho ông Phạm Văn Cao 35m² đất vườn; năm 2003 chuyển cho con trai là ông Hoàng Văn Nh 55m² đất thổ cư; năm 2005 chuyển cho con trai là ông Hoàng Văn T2 91,6m² đất thổ cư (ông T2 đã chuyển nhượng 91,6m² đất cho ông Trần Văn Quang và bà Trần Thị Ngát). Diện tích đất còn lại của hộ cụ Nhỡ tại thửa đất số 131 tờ bản đồ số 4b là 266,4m² (74,4m² đất ở, 192m² đất vườn). Quá trình chia tách chuyển nhượng quyền sử dụng đất, trên cơ sở đề nghị của cụ Nhỡ cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã nhất trí phê Dệt và cấp GCNQSDĐ.

Đối với diện tích đất tăng lên so với GCNQSDĐ: tại buổi xem xét thẩm định các hộ liền kề giáp ranh với đất của hai cụ (Nhỡ, Tơ) đều có mặt xác định ranh giới, mốc giới và ký tên. Vì vậy, UBND xã Y xác định phần đất của cụ Nhỡ, cụ Tơ không có tranh chấp gì với các hộ liền kề. Còn diện tích đất tăng lên ở vị trí nào thì Ủy ban xã không xác định được vị trí cụ thể. Diện tích đất tăng lên có thuộc quyền sử dụng của hộ cụ Nhỡ hay không thuộc thẩm quyền xem xét xác định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, căn cứ theo khoản 5 Điều 98 Luật đất đai năm 2013; khoản 20 Điều 2 Nghị định số: 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017. Đối với phần đất không có lỗi ra, hộ cụ Nhỡ có quyền đề nghị chủ

sử dụng đất liền kề mở lối đi hợp lý, phù hợp với quyền và lợi ích của hai bên và thỏa thuận bồi thường theo quy định của Điều 254 Bộ luật dân sự năm 2015.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện K trình bày:

Ủy ban nhân dân huyện K đề nghị Tòa án căn cứ khoản 5 Điều 98 Luật đất đai năm 2013 để xem xét, xét xử đối với phần diện tích dư ra so với GCNQSDĐ của hộ cụ Nhữ; căn cứ khoản 1 Điều 171 Luật đất đai năm 2013, Điều 254 Bộ luật dân sự năm 2015 để xét xử đối với diện tích đất không có lối ra đường công cộng.

Hồ sơ địa chính của thửa đất:

+ Bản đồ địa chính xã Y năm 1987: thửa đất số 131, tờ bản đồ số 4b diện tích 621m² gồm thổ 321m², thổ canh 300m², đứng tên “Nhữ”.

+ Sổ mục kê, sổ địa chính xã Y năm 1996: thửa đất số 131, tờ bản đồ số 4b diện tích 448m² gồm đất ở 221m², đất vườn 227m², đứng tên “Hoàng Thị Nhữ” (Bản đồ ghi diện tích 440m²).

+ Bản đồ địa chính, sổ mục kê xã Y năm 2009: thửa đất số 227 diện tích 346,9m² gồm ONT 52m², LNK 294,9m², đứng tên “Hoàng Văn Nhữ”; thửa đất số 224, tờ bản đồ số 13 diện tích 22,4m² ONT, đứng tên “Hoàng Văn Nhữ”.

+ GCNQSDĐ số I 643998 ngày 16/01/1998 UBND huyện Kim Sơn chứng nhận “Bà Hoàng Thị Nhữ” sử dụng: thửa đất số 131, tờ bản đồ số 4b diện tích 448m² gồm đất ở 221m², đất vườn 227m². (phần thay đổi ghi: ngày 15/5/2001 chuyển cho ông Phạm Văn Cao 35m² đất vườn; ngày 10/12/2022 chuyển cho ông Hoàng Văn Nh 55m² đất ở; ngày 10/5/2005 chuyển cho ông Hoàng Văn T2 91,6m² đất ở).

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ: diện tích đất tranh chấp thuộc 02 thửa tách biệt nhau (không liền nhau), cụ thể:

Thửa đất số 227 diện tích 328,4m² gồm 52m² đất ở và 276,4m² đất vườn; phía Bắc giáp thửa số 221 và thửa 229; phía Nam giáp các thửa 223, 225 và 275; phía Tây giáp thửa số 221; phía Đông giáp thửa số 229 và thửa số 275, không có lối đi ra đường công cộng; trên đất có nhà vệ sinh, nhà kho, nhà nuôi gia cầm, sân trệt xi măng, tường bao. Thửa đất số 224 diện tích 24,4m² đất ở; phía Nam giáp đường Quốc lộ, phía Bắc và phía Tây giáp thửa số 223, phía Đông giáp thửa 225; trên đất có nhà cấp 4 lợp mái tôn 24,4m². Các tài sản có trong nhà (nhà thờ 24,4m²) gồm: 01 bàn thờ bằng gỗ có trang trí hoa văn KT 2m x 1,5m x 1,05m; 03 bát hương màu xanh; 02 lộc bình có chữ Phúc Lộc cao khoảng 40cm; 02 đèn thờ chùm hoa loa kèn; 02 đế nền cao khoảng 45cm phủ sơn màu vàng; 10 bát thờ men trắng xanh; 10 đĩa thờ cao 5cm đường kính 25cm men xanh trắng; 01 giường cũ có kích thước 1,5m x 2m.

Chứng thư thẩm định giá số 033/2020/CTTĐG-Tràng An ngày 08/12/2020 của Công ty TNHH thẩm định giá Tràng An (do nguyên đơn yêu cầu):

+ 24,4m² đất ở tại thửa 224 có giá trị 331.840.000 đồng.

+ 52m² đất ở tại thửa 227 có giá trị 212.160.000 đồng.
+ 276,4m² đất vườn tại thửa 227 có giá trị 29.022.000 đồng.
Tổng giá trị đất: 573.022.000 đồng + tổng giá trị tài sản trên đất:
50.086.427 đồng = 623.108.427 đồng.

Chứng thư thẩm định giá số 320721.CNHN/2020 ngày 03/8/2021 của Công ty cổ phần thẩm định giá Thành Đô (do bị đơn yêu cầu):

+ 24,4m² đất ở tại thửa 224 có giá trị 598.836.727 đồng.
+ 52m² đất ở tại thửa 227 có giá trị 159.100.995 đồng.
+ 276,4m² đất vườn tại thửa 227 có giá trị 29.022.000 đồng.
Tổng giá trị đất: 786.959.723 đồng + tổng giá trị tài sản trên đất:
70.465.400 đồng (trong đó có giá trị bộ đồ thờ và giường cũ 15.500.000đ) =
857.500.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2021 Tòa án nhân dân huyện Kim Sơn quyết định:

1/ Chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế và chia tài sản thuộc sở hữu chung của người thừa kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của ông Hoàng Văn Y là anh Hoàng Cao M đối với ông Hoàng Văn T2.

2/ Giao ông Hoàng Văn Nh: Quyền sở hữu căn nhà diện tích 24,4m² đất ở được xây dựng trên thửa đất 224 và sử dụng quyền sử dụng đất diện tích 24,4m² đất ở tại thửa số 224 tờ bản đồ số 13, xóm 7, xã Y, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.

+ Sở hữu tài sản được xây dựng trên thửa đất 227 và sử dụng quyền sử dụng đất 328,4m² (trong đó 52m² đất ở; 276,4m² đất vườn) tại thửa 227 tờ bản đồ số 13, xóm 7, xã Y, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.

(Có sơ đồ kèm Theo)

3/ Ông Hoàng Văn Nh có nghĩa vụ thanh toán kỷ phần thừa kế và giá trị tài sản chung cho các ông bà cụ thể như sau:

+ Thanh toán cho ông Hoàng Văn Ph (tên gọi khác Phiêu) số tiền 291.000.000đ (hai trăm chín mươi một triệu đồng chẵn).

+ Thanh toán cho bà Hoàng Thị Th số tiền 291.000.000đ (hai trăm chín mươi một triệu đồng chẵn).

+ Thanh toán cho anh Hoàng Văn M số tiền 291.000.000đ(hai trăm chín mươi một triệu đồng chẵn).

+ Thanh toán cho vợ chồng ông Hoàng văn T2 và bà Trần Thị H số tiền 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng chẵn)

4/ Buộc anh Hoàng Cao M phải thanh toán cho ông Hoàng Văn T2 số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng chẵn) tiền chi phí thẩm định giá bổ sung (của công ty Thành Đô).

5/ Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Hoàng Văn Y (anh Hoàng Cao M), ông Hoàng Văn Ph, ông Hoàng Văn Nh, bà Hoàng Thị Th.

Ông Hoàng Văn T2 phải nộp 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án còn tuyên nghĩa vụ chịu lãi suất nếu chậm thi hành án, quyền kháng cáo; quyền thỏa thuận, yêu cầu, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

Ngày 23 tháng 8 năm 2021 anh Mai Văn D là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Hoàng Văn T2 kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Kim Sơn. Lý do, Tòa án đã vi phạm tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và không xét xử thỏa đáng, bác bỏ yêu cầu chính đáng của bị đơn, cụ thể:

- Cụ Hoàng Văn Nhữ chết năm 1981, đến nay đã 40 năm, đã hết thời hiệu chia thừa kế Theo quy định của pháp luật. Theo quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 khi hết thời hiệu chia thừa kế thì di sản thuộc về người thừa kế đang quản lý di sản. Như vậy, phần di sản của cụ Nhữ sẽ thuộc về ông T2 là người thừa kế đang quản lý di sản.

- Trong đơn khởi kiện ông Hoàng Văn Y chỉ yêu cầu Tòa án chia thừa kế là quyền sử dụng đất, tuy nhiên sau khi ông Y chết người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Y mới bổ sung yêu cầu chia thừa kế đồng thời chia tài sản chung nhưng không cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng M có tài sản chung chưa chia của những người thừa kế. Trong khi ông T2 xác định không có tài sản chung chưa chia của những người thừa kế trong vụ án này. Tòa sơ thẩm chấp nhận yêu cầu bổ sung yêu cầu chia thừa kế và chia tài sản chung để giải quyết là vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Trong hồ sơ vụ án thể hiện có sự chênh lệch rất lớn giữa diện tích đất Theo hiện trạng thực tế với diện tích có trong giấy chứng nhận do cụ Hoàng Thị Nhữ đứng tên. Tòa sơ thẩm chưa xác định được nguyên nhân vì sao dư ra 86,4m² và chưa xác định được vị trí diện tích đất dư ra thuộc thửa 224 hay thửa 227 và diện tích dư ra là thuộc quyền sử dụng của ai Theo quy định của pháp luật nhưng Tòa sơ thẩm vẫn chia thừa kế và chia tài sản chung diện tích đất dư đó.

- Trong phiên tòa nhiều đương sự vắng mặt không có đơn xin xét xử vắng mặt như ông Ph, ông Nh và một số người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Y, đặc biệt là vắng mặt không có lý do của đại diện UBND huyện K làm ảnh hưởng đặc biệt nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên liên quan.

- Theo di nguyện của mẹ ông T2 có ông Y và ông Ph ghi lại ngày 06/6/1995 thì QSDĐ của cụ Đình Thị Tư sẽ được giao lại cho ông T2 sau khi cụ Tư chết với điều kiện ông T2 phải đưa kinh tế nuôi mẹ, vợ chồng ông T2 đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ chăm sóc cấp dưỡng suốt 10 năm liên tục kể từ năm 1995 với mức cấp dưỡng 2.00.000 đồng/tháng và 200kg thóc/năm.

- Năm 2009 sau khi mẹ ông T2 mất thì anh em trong gia đình họp vào ngày 08/4/2009 thống nhất giao cho ông T2 hưởng thừa kế quyền sử dụng đất như ý nguyện của mẹ chỉ riêng ông Nh không có ý kiến. Sau đó ông Y, ông Ph, bà Th làm văn bản nhường quyền thừa kế di sản cho ông T2.

- Vợ chồng ông T2 đã có công quản lý di sản mà cha mẹ để lại cho tới nay nhưng Tòa sơ thẩm đã không xem xét công nhận công sức nêu trên của vợ chồng ông T2 mà cho rằng cả 5 người thừa kế đều có công quản lý di sản.

- Yêu cầu Tòa án xem xét tinh thần trách nhiệm và công sức của vợ chồng ông T2 trong việc cấp dưỡng chăm sóc cụ Tơ khi cụ ốm đau, bệnh tật.

Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Kim Sơn.

Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử:

- + Bác bỏ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;
- + Áp dụng pháp luật về thời hiệu chia thừa kế để giải quyết;
- + Công nhận di chúc lập ngày 06/6/1995 của cụ Đinh Thị Tơ về việc cho ông T2 hưởng thừa kế QSDĐ;

- + Công nhận ông Y, ông Phiêu, bà Th đã khước từ quyền hưởng di sản và nhường quyền hưởng di sản cho ông T2; trong đó bà Th đã nhận 10.000.000 đồng để nhường kỷ phần thừa kế cho ông T2;

- + Công nhận công sức đóng góp để quản lý di sản, phát triển di sản của vợ chồng ông T2, bà H;

- + Công nhận toàn bộ giá trị tài sản gắn liền với đất do ông T2, bà H xây dựng;

- + Xem xét công sức của vợ chồng ông T2 trong việc cấp dưỡng, chăm sóc mẹ khi già cũng như khi mẹ ốm đau bệnh tật và qua đời;

- + Giao toàn bộ di sản là quyền sử dụng đất cho ông T2 là người thừa kế đang quản lý di sản và sử dụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: bên bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Cũng tại Ph tòa phúc thẩm bà T và anh M là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn trình bày bổ sung: gia đình có nghe nói, năm 2019 ông T2 đã cho ông Trần Văn Quang thuê thửa đất số 224 và thửa đất số 227 cùng toàn bộ tài sản trên đất; sau đó, ông T2 đã bán cho ông Hoàng Văn Công 85m² đất trong thửa đất số 227 (phần đất giáp với đất của ông Công) với giá 300.000.000 đồng.

Anh Mai Văn D là người đại diện theo ủy quyền của vợ chồng ông T2, bà H không thừa nhận sự việc nêu trên. Anh D xác nhận khi đi làm ăn xa, ông T2 chỉ nhờ ông Quang là hàng xóm trông giáng hộ nhà đất chứ không có việc cho thuê hay bán đất như bà T và anh M trình bày.

Sau khi tạm ngừng phiên tòa, ngày 09/5/2022 Tòa án đã tiến hành làm việc với ông Trần Văn Quang và ông Hoàng Văn Công. Ông Công đã xác định: giữa ông Công và ông T2 cũng như các anh em ruột của ông T2 không có việc mua bán, chuyển nhượng hay thuê mượn gì đối với diện tích đất và tài sản trên thửa đất số 224 và thửa đất số 227. Ông Quang là hàng xóm nên trông giáng hộ

nhà đất; ông Quang không thuê mượn hay mua bán gì đối với diện tích đất và tài sản trên thửa đất số 224 và thửa đất số 227. Ông Công và ông Quang cùng xác định không có liên quan gì đến tài sản tranh chấp trong vụ án, không có liên quan gì đến vụ án nên không tham gia phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình phát biểu ý kiến về việc tuân Theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm; đề nghị HĐXX: áp dụng khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn; sửa bản án sơ thẩm theo hướng xác định bà T, anh M, chị T1, chị Ch, chị B tham gia tố tụng với tư cách người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn; quyết định giá trị ông T2 được hưởng trong khối di sản và giá trị tài sản trên đất chồng ông T2, bà H được nhận thanh toán; xem xét lại án phí sơ thẩm đối với anh M và ông T2. Đương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tòa án nhân dân huyện Kim Sơn thụ lý, giải quyết đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Văn Y là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hoàng Văn T2 đã thực quyền kháng cáo đúng quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông T2 không thuộc đối tượng được miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nhưng sau khi nhận đơn kháng cáo, Tòa án nhân dân huyện Kim Sơn không thông báo cho ông T2 nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là trái với quy định tại Điều 276 của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc không nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm không phải lỗi của ông T2. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự đã thực hiện quyền kháng cáo đúng theo quy định của pháp luật, Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận xem xét giải quyết lại vụ án theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

Trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là ông Hoàng Văn Y chết, quyền về tài sản của ông Y được thừa kế. Hàng thừa kế thứ nhất của ông Y gồm có vợ là bà Nguyễn Thị T và các con là anh Hoàng Cao M, chị Hoàng Thị T1, chị Hoàng Thị Ch, chị Hoàng Thị B, nhưng trong bản án sơ thẩm chỉ xác định một mình anh M là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Y, những người còn lại tham gia với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là trái với quy định tại Điều 74 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong trường hợp này, phải xác định vợ và các con của ông Y cùng tham gia tố tụng với tư cách người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Y.

Trong phiên tòa sơ thẩm vắng mặt ông Ph, ông Nh và một số người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Y, người đại diện hợp pháp của UBND huyện

K. Tuy nhiên, trong hồ sơ vụ án thể hiện ông Ph, ông Nh đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ngoài ra, ông Nh đã ủy quyền cho vợ là bà Nguyễn Thị T3 tham gia tố tụng và bà T có mặt tại Ph tòa. Một số người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Y vắng mặt nhưng trước đó họ đều đã ký văn bản cử anh M là người đại diện và ủy quyền cho anh M tham gia tố tụng, anh M có mặt tại phiên tòa. Người đại diện hợp pháp của UBND huyện K vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự nêu trên là đúng quy định. Lý do kháng cáo của bị đơn nêu trong phiên tòa sơ thẩm nhiều đương sự vắng mặt không có đơn xin xét xử vắng mặt là không đúng, không có căn cứ.

[2] Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo

[2.1] Về thời điểm mở thừa kế, diện và hàng thừa kế: vợ chồng cụ Hoàng Văn Nhữ và cụ Đinh Thị Tơ sinh được 5 người con là ông Hoàng Văn Y, ông Hoàng Văn Ph, ông Hoàng Văn Nh, bà Hoàng Thị Th và ông Hoàng Văn T2; hai cụ không ai có con riêng.

Cụ Hoàng Văn Nhữ chết năm 1981, cụ Đinh Thị Tơ chết năm 2005. Theo quy định tại Điều 611, 613, 651 của Bộ luật dân sự năm 2015, thời điểm mở thừa kế của cụ Nhữ năm 1981, hàng thừa kế thứ nhất gồm vợ và các con; thời điểm mở thừa kế của cụ Tơ năm 2005, hàng thừa kế thứ nhất gồm các con.

[2.2] Về thời hiệu thừa kế: cụ Hoàng Văn Nhữ chết trước ngày công bố Pháp lệnh thừa kế. Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 36 Pháp lệnh thừa kế; Điều 623, Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Án lệ số 26/2018/AL, thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất của cụ Nhữ là 30 năm kể ngày công bố Pháp lệnh thừa kế (ngày 10/9/1990). Như vậy, tính từ ngày công bố Pháp lệnh thừa kế (ngày 10/9/1990) đến ngày nguyên đơn khởi kiện (ngày 08/10/2020) đã quá 30 năm, thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Hoàng Văn Nhữ đã hết. Người đại diện hợp pháp của bị đơn xác định thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Nhữ đã hết và đề nghị áp dụng thời hiệu là có căn cứ.

Cụ Đinh Thị Tơ chết ngày 23/4/2005, tính đến ngày nguyên đơn khởi kiện chưa quá thời hạn 30 năm, nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

[2.3] Về việc quản lý di sản: người đại diện hợp pháp của ông T2 căn cứ vào “giấy chia đất thổ cư cho con để sử dụng ở” lập ngày 24/11/1993 để xác định ông T2 được giao quyền quản lý di sản. Xem xét nội dung văn bản nêu trên thấy, năm 1993 cụ Tơ chia cho ông Nh và ông T2 mỗi người một phần đất của hai cụ (ông T2 và ông Nh đều đã được cấp GCNQSDĐ diện tích đất được cho). Phần đất còn lại là của cụ Tơ, giao cho ông Nh và ông T2 “làm”, mỗi người phải đưa cho cụ 50kg thóc/1 vụ. Sau khi cụ mất đi, sẽ giao lại cho con cả thay mặt vợ chồng cụ bàn với các em lấy phần đất còn lại để chi phí tang ma và mồ mả cho các cụ. Theo nội dung văn bản nêu trên có thể xác định, sau khi cụ Tơ chết phần đất còn lại không chia hay giao cho ông T2 quản lý.

Trên thực tế sau khi cụ Nhữ chết, di sản của cụ Nhữ vẫn nằm trong khối tài sản chung với cụ Tơ, là quyền sử dụng thửa đất số 131 tờ bản đồ số 4b xã Y

lập năm 1996 chưa được phân chia; các đồng thừa kế không thống nhất giao cho ai quản lý mà vẫn do cụ Tơ quản lý và sử dụng. Sau khi cụ Tơ chết một năm, gia đình ông T2 cũng chuyển đi miền Nam sinh sống. Các đồng thừa kế không giao di sản cho ông T2 quản lý, nên việc ông T2 xác định sau khi hết thời hiệu thừa kế, di sản của cụ Nhữ thuộc về ông T2 người quản lý di sản là không có căn cứ.

Sau khi kết thúc thời hạn 30 năm, các đồng thừa kế không có tranh chấp về hàng thừa kế và đều thừa nhận di sản của cụ Nhữ để lại chưa chia. Theo tinh thần quy định tại điểm a mục 2.4 phần I Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì di sản của cụ Nhữ được chuyển thành tài sản chung của những người thừa kế là các con của cụ Nhữ.

Ông Y khởi kiện, chia di sản thừa kế của cụ Nhữ và cụ Tơ là quyền sử dụng thửa đất số 131 tờ bản đồ số 4b. Tại phiên tòa ngày 30/3/2021, ông Y đã thay đổi yêu cầu khởi kiện từ chia thừa kế di sản của cụ Nhữ thành chia tài sản chung cho anh em ông. Việc chia thừa kế hay chia tài sản chung đều cùng một đối tượng tranh chấp là quyền sử dụng thửa đất số 131 tờ bản đồ số 4b mà Tòa án đã thụ lý giải quyết ngay từ ban đầu. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông Y không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông Y là có căn cứ, không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu.

[2.4] Về tài sản tranh chấp: căn cứ hồ sơ địa chính xã Y là Bản đồ địa chính lập năm 1987; Bản đồ địa chính, sổ mục kê lập năm 1996; Bản đồ địa chính, sổ mục kê lập năm 2009, GCNQSDĐ số I 643998 ngày 16/01/1998 do UBND huyện Kim Sơn cấp thì thửa đất số 131 tờ bản đồ số 4b xã Y lập năm 1996, hiện nay là thửa đất số 227 và thửa đất số 224, tờ bản đồ số 13 xã Y lập năm 2009 thuộc quyền sử dụng của cụ Nhữ và cụ Tơ.

Thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa đất có diện tích 448m² (thổ 221m², thổ canh 227m²). Trong quá trình sử dụng, cụ Tơ đã chuyển quyền cho ông Phạm Văn Cao 35m² đất vườn, ông Hoàng Văn Nh 55m² đất ở, ông Hoàng Văn T2 91,6m² đất ở. Sau khi chuyển quyền sử dụng đất cho những người nêu trên, diện tích đất của các cụ được tách thành hai thửa. Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 27/11/2020: thửa 224 có diện tích 24,4m²; thửa 227 có diện tích 328,4m²; tổng diện tích hai thửa là 352,8m².

Diện tích thực tế của hai thửa đất so với diện tích còn lại ghi trong GCNQSDĐ tăng lên 86,4m² (352,8m² - 266,4m² = 86,4m²) nhưng giảm 16,5m² so với diện tích ghi trong Bản đồ, sổ mục kê lập năm 2009. Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ, các hộ liền kề với đất của hai cụ (Nhữ, Tơ) đều có mặt ký xác định ranh giới, mốc giới; do đó có thể xác định hai thửa đất không có tranh chấp về ranh giới với các hộ liền kề; ranh giới, mốc giới hai thửa đất ổn định và không thay đổi. Căn cứ khoản 5 Điều 98 Luật đất đai năm 2013 phân đất tăng

thêm trong tổng diện tích 352,8m² thuộc quyền sử dụng hợp pháp của vợ chồng cụ Tơ lúc còn sống, sau này là di sản của hai cụ.

[2.5] Về việc phân tài sản, di sản:

Như đã nhận định ở trên, đến nay di sản của cụ Nhữ và cụ Tơ để lại là 02 thửa đất có diện tích 352,8m², gồm 76,4m² đất ở và 276,4m² đất vườn, đây là tài sản chung của hai cụ. Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì tài sản vợ chồng được chia đôi; phần di sản của cụ Nhữ là $\frac{1}{2}$ diện tích hai thửa đất (352,8m² : 2 = 176,4m²) và đã trở thành tài sản chung của ông Y, ông Ph, ông Nh, bà Th và ông T2, nên chia thành 5 phần bằng nhau, mỗi người được hưởng một phần.

Đối với di sản của cụ Tơ là $\frac{1}{2}$ diện tích hai thửa đất (176,4m²): ông T2 xác định, di chúc của cụ Tơ được ông Y và ông Ph ghi lại ngày 06/6/1995; Theo đó quyền sử dụng đất của cụ Tơ sẽ được giao lại cho ông T2 sau khi cụ chết. Xét thấy, văn bản nêu trên không có chữ ký của cụ Tơ, về nội dung hình thức không phù hợp với quy định của pháp luật nên không phải là “Di chúc bằng văn bản”. 10 năm sau khi lập văn bản cụ Tơ mới chết nên nội dung ghi trong văn bản mặc nhiên bị hủy bỏ, không được coi là di chúc miệng. Do đó, văn bản ngày 06/6/1995 không có hiệu lực pháp luật, di sản của cụ Tơ không thuộc về ông T2.

Ngoài ra ông T2 còn trình bày sau khi cụ Tơ chết, ngày 08/4/2009 anh em trong gia đình họp và thống nhất giao cho ông T2 hưởng thừa kế quyền sử dụng đất như ý nguyện của cụ Tơ, chỉ riêng ông Nh không có ý kiến. Sau đó, ông Y, ông Ph, bà Th đã làm văn bản nhường quyền thừa kế di sản cho ông T2.

Về biên bản họp gia đình ngày 08/4/2009 có chữ ký của ông Y, ông T2, bà Th và chữ ký người đại diện trong dòng họ và trưởng xóm. Tuy nhiên, tất cả các mục trong biên bản đều bỏ trống, nên không có cơ sở xác định nội dung biên bản là gì. Ngoài ra, trong biên bản có nội dung ông T2 có trách nhiệm giao số tiền 10.000.000 đồng cho bà Th ngay ngày 08/4/2009, nhưng không nêu là tiền gì và bà Th không thừa nhận đã nhận số tiền chuyển quyền thừa kế cho ông T2 nên không có căn cứ xác định nội dung này.

Đối với Đơn đề nghị ngày 08/4/2009 của ông Y và bà Th có nội dung: Do cụ Nhữ, cụ Tơ qua đời không để lại di chúc, đến nay anh chị em trong gia đình họp thống nhất giao quyền thừa kế quyền sử dụng đất cho ông Hoàng Văn T2. Vị trí, diện tích phân chia cho ông T2 như biên bản họp gia đình. Nội dung nêu trên không thể hiện việc ông Y và bà Th nhường quyền thừa kế cho ông T2. Mặt khác ông Y và bà Th không có quyền thay mặt các đồng thừa kế khác định đoạt toàn bộ di sản của cụ Tơ để lại; do đó văn bản này không có giá trị pháp lý.

Như vậy, cho đến nay di sản của cụ Tơ chưa chuyển quyền sử dụng cho ai. Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện, chia di sản thừa kế của cụ Tơ cho 5 người con của cụ là có căn cứ, đúng pháp luật.

Sau khi cụ Nhữ chết, di sản của cụ nằm trong khối tài sản chung vợ chồng là quyền sử dụng thửa đất số 131 tờ bản đồ số 4b do cụ Tơ sử dụng và quản lý. Sau khi cụ Tơ chết 01 năm thì gia đình ông T2 cũng chuyển đi miền Nam sinh

sống cho đến nay, do đó không có căn cứ để T1 tiền chi phí bảo quản di sản cho vợ chồng ông T2.

Về yêu cầu xem xét tinh thần trách nhiệm và công sức của vợ chồng ông T2 trong việc cấp dưỡng, chăm sóc cụ Tơ. Theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình, con có nghĩa vụ và quyền chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ, đặc biệt là khi cha mẹ ốm đau, già yếu. Do đó, yêu cầu kháng cáo đề nghị T1 công chăm sóc, phụng dưỡng cụ Tơ của ông T2 là không có căn cứ, không được chấp nhận.

Thực tế thửa đất số 224 chỉ có diện tích 24,4m² không đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ, thửa đất số 227 không có lối ra vào. Hiện tại, ông Nh có một thửa đất (thửa số 223) giáp với hai thửa đất nêu trên; do đó Tòa án cấp sơ thẩm giao cho ông Nh được quyền sử dụng cả hai thửa đất là hoàn toàn phù hợp. Ông Nh tự nguyện thanh toán cho ông Y, ông T2, ông Ph, bà Th mỗi người 291.000.000 đồng, nhiều hơn phần các bên được hưởng Theo kết quả thẩm định giá (157.391.944 đồng); bản án sơ thẩm đã chấp nhận mức thanh toán Theo đề nghị của ông Nh là có căn cứ, không xâm hại đến quyền lợi của các đương sự khác.

Vợ chồng ông T2, bà H không thỏa thuận nhập phần tài sản mà ông T2 được hưởng trong khối di sản của bố mẹ vào tài sản chung vợ chồng, nhưng bản án sơ thẩm lại không phân định rõ giá trị tài sản cá nhân ông T2 được hưởng với giá trị tài sản trên đất của vợ chồng ông T2, bà H được nhận thanh toán là không đúng, dẫn đến quyền và nghĩa vụ của vợ chồng ông T2 không được phân định rõ ràng, dẫn đến việc tính án phí mà các bên phải chịu không chính xác.

Những người thừa kế của ông Y đã hợp, thống nhất giao cho anh Hoàng Cao M được nhận phần tài sản mà ông Y được hưởng trong khối di sản của cụ Nhữ và cụ Tơ. Nhưng bản án sơ thẩm lại miễn án phí cho ông Y, khi ông Y đã chết là không đúng; trong trường hợp này phải buộc anh M người nhận phần di sản ông Y được hưởng phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đối với nhà và các công trình xây dựng trên đất là tài sản do vợ chồng ông T2 xây dựng, sửa chữa. Bản án sơ thẩm đã giao cho ông Nh được quyền sở hữu và có nghĩa vụ thanh toán giá trị tài sản cho vợ chồng ông T2 là có căn cứ.

Đối với các tài sản khác có trong ngôi nhà (nhà thờ) như bàn thờ, bộ đồ thờ và 01 chiếc giường cũ không phải là di sản thừa kế, không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Đối với diện tích đất do cụ Tơ chuyển nhượng, đến nay những người nhận chuyển quyền đều đã được cấp GCNQSDĐ, các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, vì vậy không thuộc phạm vi giải quyết của Tòa án trong vụ án này.

[2.6] Như nhận định nêu trên, Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2021/DS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2021 Tòa án nhân dân huyện Kim Sơn có một số sai sót, vi phạm thủ tục tố tụng nhưng không ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, không thay đổi bản chất nội dung vụ án, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm Theo hướng:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế của cụ Đình Thị Tơ; chia tài sản chung của ông Hoàng Văn Y, ông Hoàng Văn Ph, ông Hoàng Văn Nh, bà Hoàng Thị Th, ông Hoàng Văn T2 là quyền sử dụng 328,4m² đất gồm 52m² đất ở, 276,4m² đất vườn tại thửa đất số 227 và 24,4m² đất ở tại thửa đất số 224; giải quyết tài sản trên hai thửa đất.

Giao cho ông Hoàng Văn Nh được quyền sử dụng 328,4m² đất (52m² đất ở, 276,4m² đất vườn) tại thửa đất số 227 và 24,4m² đất ở tại thửa đất số 224 tờ bản đồ địa chính xã Y số 13 lập năm 2009. Ông Nh được quyền sở hữu toàn bộ tài sản là nhà và các công trình xây dựng trên hai thửa đất nêu trên.

Ông Hoàng Văn Nh có nghĩa vụ thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế và giá trị tài sản chung cho ông Hoàng Văn Ph, bà Hoàng Thị Th, ông Hoàng Văn T2, anh Hoàng Cao M mỗi người 291.000.000 đồng.

Ông Hoàng Văn Nh có nghĩa vụ thanh toán cho vợ chồng ông Hoàng Văn T2 và bà Trần Thị H toàn bộ giá trị tài sản là nhà và các công trình xây dựng trên hai thửa đất với số tiền là 109.000.000 đồng.

Anh Hoàng Cao M có nghĩa vụ thanh toán cho ông Hoàng Văn T2 5.000.000 đồng tiền chi phí thẩm định giá bổ sung (do Công ty Thành Đô thực hiện).

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Hoàng Văn Ph, ông Hoàng Văn Nh, bà Hoàng Thị Th.

Ông Hoàng Văn T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền được nhận trong khối tài sản của cụ Nhở, cụ Tơ.

Anh Hoàng Cao M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền được nhận trong khối tài sản của cụ Nhở, cụ Tơ.

[3] Về án phí phúc thẩm: do Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, Điều 147, Điều 148, Điều 165, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 175, 212, 218, 219, 220, 221, 236, 357, 468, 623, 624, 627, 628, 629, 630, 649, 650, 651, 658, 660, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 98, 99, 100, 106, 166, 167 của Luật đất đai năm 2013; Án lệ số 26/2018/AL; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2021/DS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế của cụ Đình Thị Tơ (tên gọi

khác Hoàng Thị Nhỡ); chia tài sản chung của ông Hoàng Văn Y, ông Hoàng Văn Ph, ông Hoàng Văn Nh, bà Hoàng Thị Th, ông Hoàng Văn T2 là quyền sử dụng 328,4m² đất, gồm 52m² đất ở, 276,4m² đất vườn tại thửa đất số 227 và 24,4m² đất ở tại thửa đất số 224 tờ bản đồ địa chính xã Y số 13 lập năm 2009; địa chỉ: xóm 7, xã Y, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình và giải quyết tài sản trên hai thửa đất như sau:

1.1.1. Giao cho ông Hoàng Văn Nh được quyền sử dụng 328,4m² đất, gồm 52m² đất ở (ONT), 276,4m² đất vườn (LNK) tại thửa đất số 227 và 24,4m² đất ở (ONT) tại thửa đất số 224 tờ bản đồ địa chính xã Y số 13 lập năm 2009; ông Nh được quyền sở hữu toàn bộ tài sản là nhà và các công trình xây dựng trên hai thửa đất; địa chỉ: xóm 7, xã Y, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình (có sơ đồ kèm Theo).

1.1.2. Ông Hoàng Văn Nh có nghĩa vụ thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế và giá trị tài sản chung như sau:

- Thanh toán cho ông Hoàng Văn Ph (tên gọi khác Phiêu) số tiền 291.000.000 đồng (hai trăm chín mươi một triệu đồng chẵn).

- Thanh toán cho bà Hoàng Thị Th số tiền 291.000.000 đồng (hai trăm chín mươi một triệu đồng chẵn).

- Thanh toán cho anh Hoàng Cao M số tiền 291.000.000 đồng (hai trăm chín mươi một triệu đồng chẵn).

- Thanh toán cho ông Hoàng Văn T2 số tiền 291.000.000 đồng (hai trăm chín mươi một triệu đồng chẵn).

1.1.3 Ông Hoàng Văn Nh có nghĩa vụ thanh toán cho vợ chồng ông Hoàng Văn T2 và bà Trần Thị H giá trị tài sản xây dựng trên hai thửa đất với số tiền là 109.000.000đ (một trăm linh chín triệu đồng chẵn).

1.2. Anh Hoàng Cao M có nghĩa vụ thanh toán cho ông Hoàng Văn T2 5.000.000 đồng (năm triệu đồng chẵn) tiền chi phí thẩm định giá bổ sung.

1.3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

1.4. Về án phí sơ thẩm:

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Hoàng Văn Ph, ông Hoàng Văn Nh và bà Hoàng Thị Th.

- Ông Hoàng Văn T2 phải chịu 14.550.000 đồng (mười bốn triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Hoàng Cao M phải chịu 14.550.000 đồng (mười bốn triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2. Về án phí phúc thẩm: ông Hoàng Văn T2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (01/6/2022).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- TANDCC tại Hà Nội;
- TAND huyện Kim Sơn;
- CCTHADS huyện Kim Sơn;
- Phòng KTNV-THA;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PH TÒA**

Nguyễn Tử Lượng

